

TĂNG LỮ TRUNG QUỐC VỚI VIỆC LAO ĐỘNG SẢN XUẤT

KHOAN NHÃN^(*)

Tăng lữ Trung Quốc tạo ra của cải vật chất thông qua lao động sản xuất. Điều này đã gây sự chú ý và hứng thú cho các nhà nghiên cứu lịch sử kinh tế. Hoạt động kinh tế của các tự viện Phật giáo Trung Quốc đã trở thành đề tài cho rất nhiều phân tích và thảo luận có giá trị học thuật của họ. Thế nhưng, việc lao động sản xuất nông nghiệp và làm ăn buôn bán đều là những điều mà giới luật của Phật giáo Ấn Độ không cho phép. Đối với hiện tượng đầy sự mâu thuẫn đó, ở đây, chúng tôi xin trình bày một số ý kiến còn rất thiếu cận của mình để làm rõ nguyên nhân và ý nghĩa của nó.

Vấn đề ăn, ở, mặc của tăng lữ Ấn Độ được giải quyết như thế nào?

Sau khi Thích Ca Mâu Ni thành đạo, lúc đầu truyền pháp tại vườn Lộc Uyển hoá độ 5 vị Tỳ Khâu là Kiều Trần Như, Bính Ngạch, Bạt Đề, Thập Lực Ca Diếp, Ma Nam Câu Lợi (Phật giáo Ấn Độ bắt đầu có đoàn thể tăng ca). Phật Đà đích lập ra cho bọn họ các điều lệ chung, đầu tiên nói rằng "mọi chúng sinh đều có ăn mặc, ở. Bởi vì, khi Phật Đà tu hành khổ hạnh ở trong rừng nhìn thấy sự khổ hạnh của Đâu Đà hành giả và bản thân ông ta khi ở Tượng Đầu Sơn đã thực nghiệm việc giảm bớt ăn đến mức một ngày chỉ ăn "một hạt vừng, một hạt kê" mà thành đạo; cho nên ông ta cho rằng: con người muốn sinh tồn, đầu tiên tất phải duy trì được sự sống, nếu như không sống được thì không thể nào nói đến việc tu hành.

Khi Phật Đà tại thế, Ấn Độ là một quốc gia có tôn giáo phát triển, việc các Sa môn xuất gia du hành khát thực đã trở thành thời thượng ở đấy. Vì vậy, Phật Đà áp dụng chế độ khát thực "bên ngoài thì xin ăn để nuôi dưỡng xác thân, bên trong thì cầu pháp để nuôi dưỡng trí tuệ", từ đó trên cơ bản cũng có thể giải quyết được nhu cầu đầu tiên trong cuộc sống của con người. Đến vấn đề mặc, Ấn Độ là nước nằm trong vành đai khí hậu nhiệt đới, mùa đông ấm áp, mùa hạ kéo dài, vấn đề mặc tương đối dễ giải quyết, nếu như không có người bố thí cũng có thể nhặt nhạnh từ các đồng rác hoặc trong các ngôi nhà hoang ra những mảnh giẻ rách để đùm túm vào che đậy một phần thân thể (loại này Kinh Phật gọi là "phần tảo y") cũng tạm coi là được. Vấn đề ở tương đối khó khăn. Lúc đầu tiên chưa có tự viện, các tăng lữ chỉ có thể trú trong rừng sâu, ban ngày thì từ rừng sâu đi đến các làng xóm, thành thị để khát thực, thuyết pháp; buổi tối thì lại trở về nơi rừng sâu, trú dưới gốc cây hoặc thiên định ngoài trời ở những nơi hoang mạc. Về sau, có Tần Bà Sa La Vương bố thí Ca Lan Đà trúc viên, Ấn Độ mới bắt đầu có tự viện Phật giáo. Tiếp theo đó, cây thị ở Cấp Độc Cô viên và những nơi Phật Đà thuyết pháp đều trở thành tự viện Phật giáo. Vấn đề chỗ ở của các tăng lữ cũng đã được giải quyết.

*. Bài in trong cuốn: *Phật giáo và văn hóa Trung Quốc*. Trung Hoa Thư cục xuất bản, Bắc Kinh, 1997.

Cội nguồn cuộc sống của tăng lữ Phật giáo Trung Quốc

Thời gian đầu, khi Phật giáo mới truyền vào Trung Quốc, các tăng lữ Ấn Độ đến Trung Quốc đều nghiêm thủ giới luật, tư nhân không tích lũy tài sản, chỉ dựa vào khát thực để duy trì cuộc sống. Vì vậy người ta gọi các Tì khâu là "khất sĩ" hoặc "khất hồ". Các tăng nhân xuất gia người Hán có người thì đi theo thầy mình khát thực, có người vẫn dựa vào nguồn cung cấp của các gia đình ngoài thế tục để duy trì cuộc sống. Ví dụ như Tây Phổ Huệ Đế tạo hưng thánh tự "Cung dưỡng bách tăng" ở Lạc Hạ; Thời Bắc Ngụy vẫn còn có "Tăng thị hộ", "Bình tế hộ"; năm Cảnh Vân thứ 2 thời vua Đường Duệ Tông (711), lại cho phép các gia đình Vương Công, các Quý phi xây một loạt các viện công đức. Từ các ví dụ trên cho thấy các quý tộc không những xây dựng tự viện mà còn đảm nhiệm cung cấp cả các chi phí trong cuộc sống của các tăng lữ. Thế nhưng nguồn gốc kinh tế chính của các chùa chiền Phật giáo Trung Quốc chủ yếu vẫn là dựa vào thu nhập từ các "ruộng thường trú". Các ruộng đất của nhà chùa có phần thì cho thuê, có phần thì do các tăng lữ trong chùa tự trồng trọt. Những chi tiết được ghi chép ở quyển 5 trong sách *Cao tăng truyện* cho thấy là bắt đầu từ thời Tấn, các tăng lữ Trung Quốc đã bắt đầu tham gia lao động sản xuất. Ruộng đất của nhà chùa có nhiều nguồn, ngoài "ruộng thường trú" (ruộng thuộc nhà chùa quản lí vĩnh viễn), "ruộng nhân khẩu" (tăng lữ 20 tuổi được nhà nước cấp ruộng, 60 tuổi thì trả lại); còn có ruộng do nhà nước thưởng vì lí do gì đó hoặc ruộng do các tăng lữ của chùa tự khai khẩn đất hoang mà có. Năm thứ 7 niên hiệu Vũ Đức nhà Đường (624) thực hành chế độ bình quân ruộng đất, tăng ni đều được nhận ruộng. Như vậy là

ở Trung Quốc các tăng ni đệ tử Phật giáo đều tham gia lao động sản xuất và các hoạt động kinh tế khác để dựa vào đó giải quyết các vấn đề ăn mặc của bản thân họ.

Tu trì kết hợp với lao động

Phật giáo thời nhà Đường đã phát triển tới thời kì toàn thịnh, các tông phái lần lượt hình thành, trong đó có Thiên tông là cực thịnh. Từ sau khi Huệ Năng chính thức thành lập, môn đình Thiên tông đã trải qua sự truyền đăng hoàng hoá của ngũ gia thất tông và hầu như đã chiếm địa vị trong toàn bộ Phật giáo Trung Quốc. Nam Nhạc hạ đạo nhất đệ tử Hoài Hải Thiên sư tại Bách Trượng Sơn ở Hồng Châu "bất tuân luật chế", sáng lập Thiên viện và đem vận dụng Thiên học vào thực tiễn lao động, thực hiện chế độ "một ngày không làm thì một ngày không ăn", bản thân Thiên sư luôn đi đầu trong việc thực hiện chế độ này. Căn cứ vào thực tế của đời sống lao động, ông quy định ra chế độ "phổ thỉnh" pháp (lao động tập thể), đề xướng việc "trên dưới cùng kết hợp" trong lao động tập thể. Các môn đồ đệ tử của Thiên tông đã sống một cuộc sống nông thiên kết hợp giữa tu trì và lao động như vậy.

Phần trên của bài này đã nói đến việc "khất địa khẩn hoang", "tay cầm tiền bạc" là trái với giới luật của Ấn Độ giáo. Việc các tăng lữ tham gia lao động sản xuất nông nghiệp hoặc kinh thương mậu dịch tất sẽ bị dư luận xã hội phản đối. Sách *Thích bác luận* đã nói đến các tăng lữ đương thời với thái độ phê phán rằng bọn họ "*hoặc khai khẩn trồng cấy, giống như nông phu; hoặc đi buôn bán để kiếm lợi người; hoặc làm nghề y chữa bệnh; hoặc làm những nghề thủ công khác...*". Thế nhưng, con người là một loài "thân không có mao vũ, không thể phơi bày thân thể mà không có quần áo; bụng không giống như quả dưa, không thể không ăn mà sống được". Các tăng lữ cũng không phải

là ngoại lệ. Nếu như "khuất địa khẩn hoang" là trái với giới luật, vậy thì, tăng lữ chỉ còn cách ngồi mà chờ chết. Thích Ca Mâu Ni chế định ra giới luật, không cho phép tăng lữ khất địa khẩn hoang cũng là có dụng ý của ông ta. Bởi vì, khi bỏ lười cuốc vào lòng đất, con giun sống dưới đất sẽ bị cắt đứt thân thể, tổ kiến trong lòng đất cũng sẽ bị phá tan, con ốc sên cũng sẽ bị đập nát, như vậy dưới con mắt của tín đồ Phật giáo là không thể chấp nhận được. "Sát sinh" là một trong 4 điều giới luật "tứ căn bản giới" (sát, đạo, dâm, vọng) mà tứ chúng đệ tử đều cần phải tuân thủ. Là một Tỳ khâu xuất gia, đối với một công việc phạm phải điều sát sinh hại mạng, đi ngược lại giới luật như vậy tất nhiên là không được phép làm. Chính vì vậy mà tăng nhân Phật giáo Ấn Độ thà mang bát đi ăn xin chứ nhất định không tham gia lao động sản xuất. Thế nhưng, dưới con mắt của tăng nhân Trung Quốc, sự việc không chỉ có đơn giản như vậy "Kỉ sở bất dục, vật thi ư nhân" (Cái gì mà mình không muốn thì không đem cho người khác) - đạo lý này gần như đã trở thành tín điều luân lý truyền thống của nhân dân Trung Quốc. Sau khi Phật giáo Ấn Độ truyền vào Trung Quốc tất nhiên cũng chịu ảnh hưởng của quan niệm luân lý này. Trong quan niệm của tăng lữ Trung Quốc, nếu như đem điều mình không muốn đẩy đi cho người khác thì bản thân mình đã phạm phải điều "yếm nhĩ đạo linh", không còn là một tăng nhân trong sạch nữa, bản thân không còn phù hợp với giáo nghĩa của Phật giáo là từ bi cứu khổ cứu nạn nữa. Vì vậy các bậc cao tăng của Trung Quốc thời cổ ở bên các con sông dòng suối hay các khu rừng đều tự phát ruộng cấy trồng, "cuốc được mảnh đất nào thì trồng cây ngay vào mảnh đất đó", không có ai muốn "ngồi không, ăn không của mọi người" cả. Đặc biệt là Thiên tông tổ sư là người sống rất vất vả, giản dị, phần lớn là "dựa vào sức lao động của

chính mình làm kế sinh nhai" để làm các công việc lớn của ông. Các sách "*Truyền đăng lục*", "*Ngũ đăng hội nguyên*" đều có chép rất nhiều những việc như vậy về ông.

Xử lý đối với tài vật

Phật giáo gọi giới, định, tuệ là "tam vô lậu học", tác dụng của nó là để trị "tam độc" (tham, sân, si) của con người. Tăng lữ tiến hành hoạt động kinh tế để tích lũy của cải, như vậy chẳng phải là đã nhiễm phải cái độc "tham" rồi hay sao? Hướng hồ là giới luật đã ghi rõ ràng quy định cấm Tỳ khâu "trong tay cầm tiền bạc"? Tăng lữ Trung Quốc làm thế nào để thay đổi điều luật quy định này được? Làm thế nào để điều hoà mâu thuẫn giữa "giới" và "tham"? Phật giáo Trung Quốc, lấy *Đại thiên niết bàn kinh* làm căn cứ cho việc hình thành và phát triển kinh tế tự viện của mình. *Đại thiên niết bàn kinh*, quyển 6 có nói rằng các chư tăng đệ tử nếu không có được sự cung cấp cái ăn cái mặc thì cũng có thể làm ra tiền của để tự duy trì cuộc sống của mình, duy trì chính pháp.

Chính nhờ truyền thống nông thiện mà các vị cao tăng đại đức đã xây dựng rất nhiều các thiền viện to lớn đẹp đẽ, trồng được rất nhiều vườn cây biến những nơi núi rừng hoang vu thành những danh lam thắng cảnh đẹp nổi tiếng còn giữ lại đến ngày nay trên đất nước Trung Quốc. Giáo lý Phật giáo cho rằng, của cải do các tăng lữ tham gia lao động sản xuất hoặc làm kinh tế tạo nên không phải là để cho bản thân mình được ăn sung mặc sướng mà phải sử dụng vào các công việc hợp lý. Ví dụ như để ủng hộ các việc làm có ích, cứu giúp người tàn tật hoặc cứu giúp những vùng gặp thiên tai. Như vậy thì việc tham gia lao động sản xuất cũng có lợi như việc tu trì vậy, là việc nên làm và cũng là truyền thống tốt đẹp cần phải giữ./

Người dịch: Nguyễn Thanh Hà